

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-6-2022  
V/v “Ly hôn, nuôi con chung khi ly  
hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

Bà Trần Thị Hằng Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh L** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T , xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, thụ lý số 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông K. H. Nh

Sinh ngày 21 tháng 9 năm 1990

Địa chỉ: 2/9 Đường L Phường M thành phố T tỉnh L.

**- Bị đơn:** Bà Ng. Nh. A

Sinh ngày 29 tháng 5 năm 1990

Địa chỉ: 65/10 Đường H Phường H thành phố T tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông K. H. Nh trình bày: Sau gần hai năm tìm hiểu, ông và bà A chung sống từ năm 2010 và đăng ký kết hôn vào năm 2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm

thì phát sinh mâu thuẫn, do không hòa hợp. Từ năm 2014, ông và bà A không chung sống cùng nhau cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà A.

Về con chung, ông và bà A có một người con chung, tên là K. Ng. Th. P, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2010. Ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Ng. Nh. A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng nên Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà Ng. Nh. A theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] ông K. H. Nh và bà Ng. Nh. A là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có sự hòa hợp. Từ năm 2014, ông Nh và bà A không còn chung sống cùng nhau. Không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại, ông K. H. Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ng. Nh. A. Theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Theo văn bản xác minh ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Công an Phường H thành phố T tỉnh L, bà Ng. Nh. A đang cư trú tại 65/10 Đường H Phường H thành phố T tỉnh L. Bà Ng. Nh. A đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà A không tham gia phiên họp. Đồng thời, ông K. H. Nh có đơn yêu cầu không hòa giải nên ngày 23 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố T đã lập Biên bản về không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và Biên bản không tiến hành hòa giải được. Bà Ng. Nh. A không tham gia phiên tòa ngày 14 tháng 6 năm 2022 và phiên tòa ngày 30 tháng 6 năm 2022. Đồng thời, ông K. H. Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Nh và bà A xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, nên áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2000) để giải quyết về nội dung, theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Bà Ng. Nh. A đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, thể hiện việc bỏ mặc, không quan tâm đến hậu quả. Tình trạng hôn nhân giữa ông Nh và bà A không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian vợ chồng không chung sống đã lâu, khó có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K. H. Nh theo quy định tại Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình (năm 2000).

[5] Về con chung, bà A và ông Nh có một người con chung, tên là K. Ng. Th. P, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2010, ông Nh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của ông Nh phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, thể hiện tại Biên bản ghi ý kiến con chung ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T. Hơn nữa, bà A không tham gia tố tụng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của ông Nh. Do nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên bà A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung, do không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí: Ông K. H. Nh phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2000), Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K. H. Nh đối với bà Ng. Nh. A.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông K. H. Nh là người trực tiếp nuôi con chung, tên là K. Ng. Th. P, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2010; Bà Ng. Nh. A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Ng. Nh. A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở bà A thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định

Về án phí: Ông K. H. Nh chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Nh đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001527 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tỉnh L) thành án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn K. H. Nh, bị đơn Ng. Nh. A đều vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Chi cục thi hành án dân sự
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Thảo**